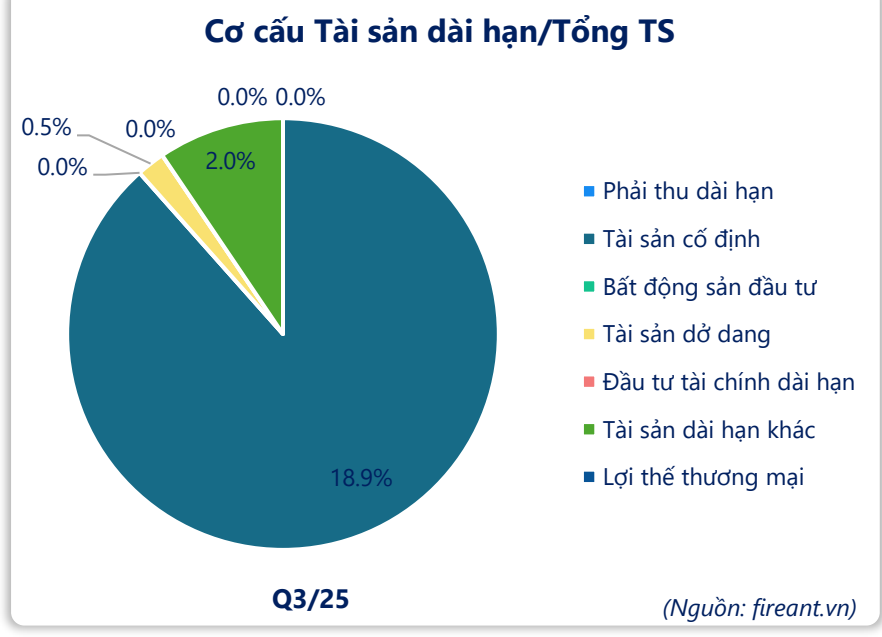
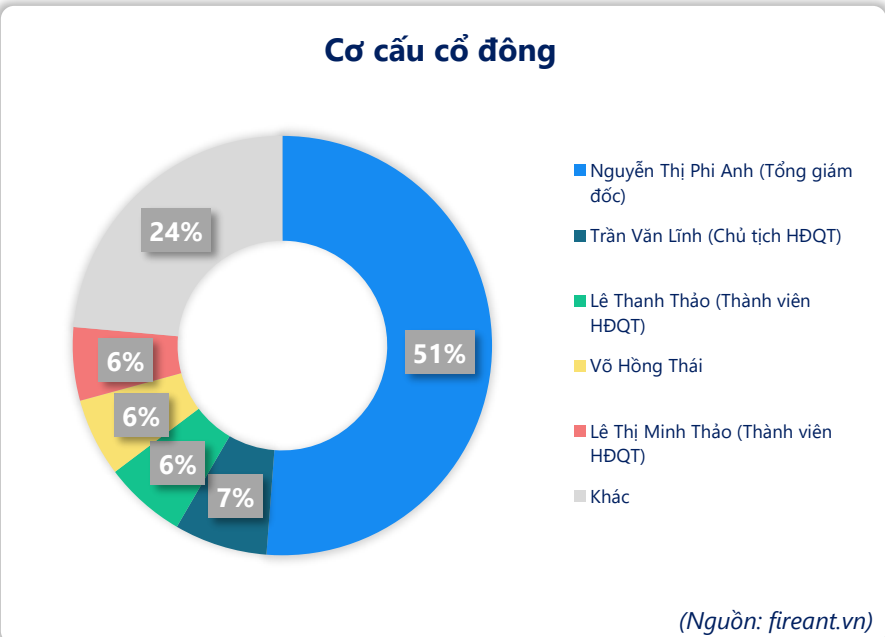
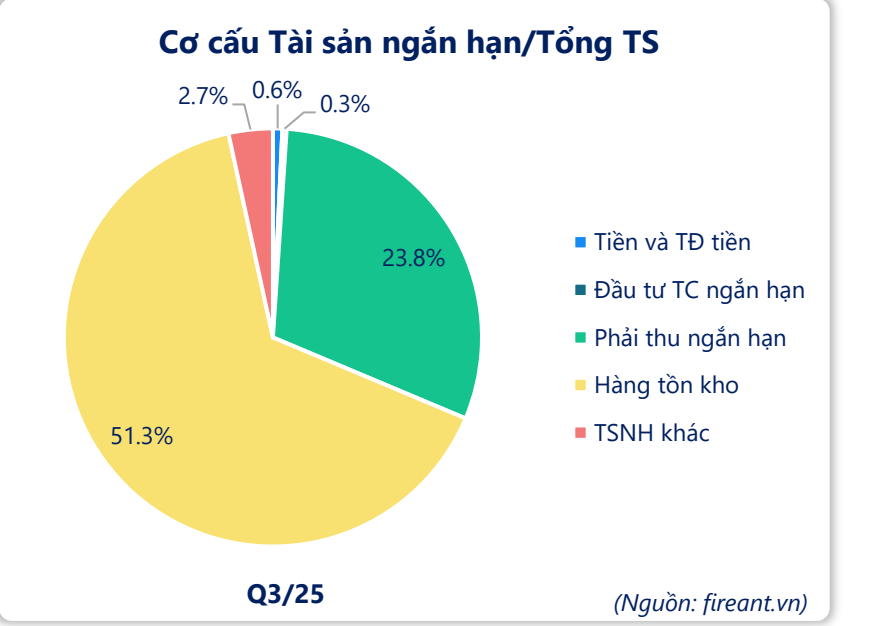
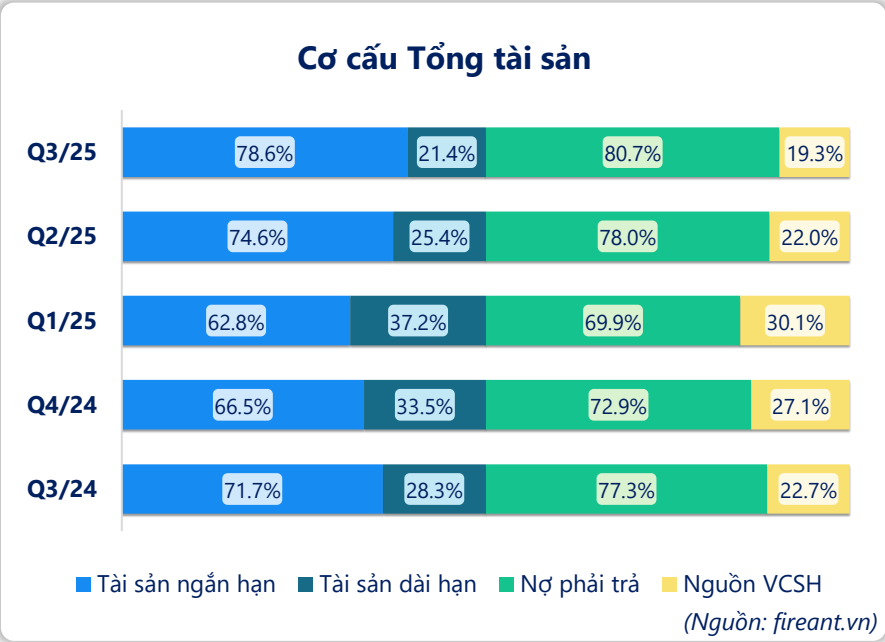
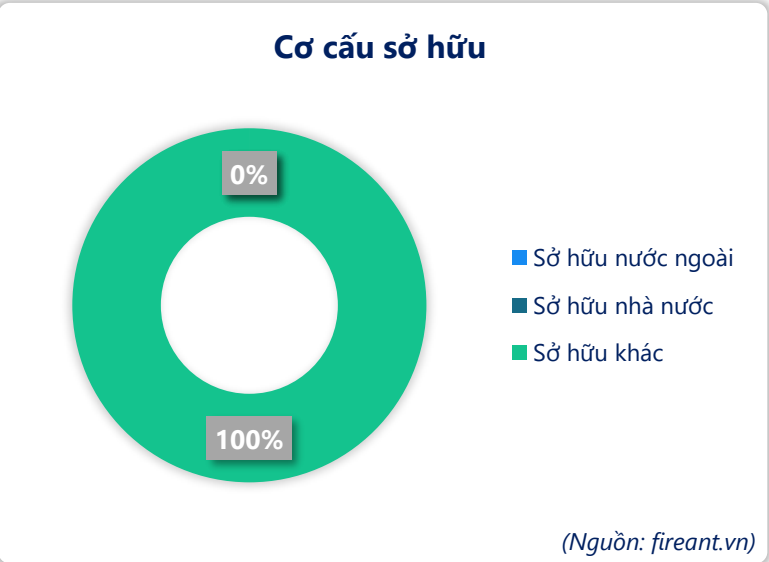
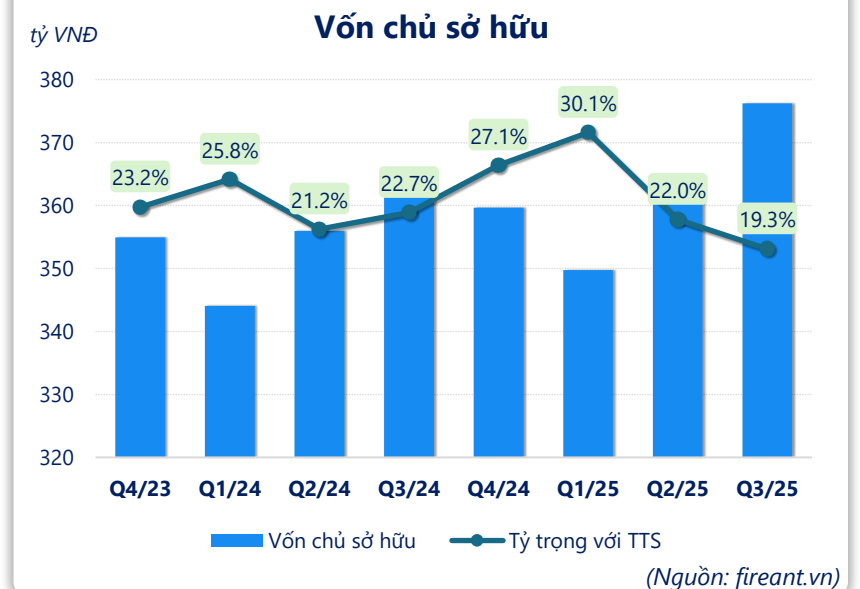
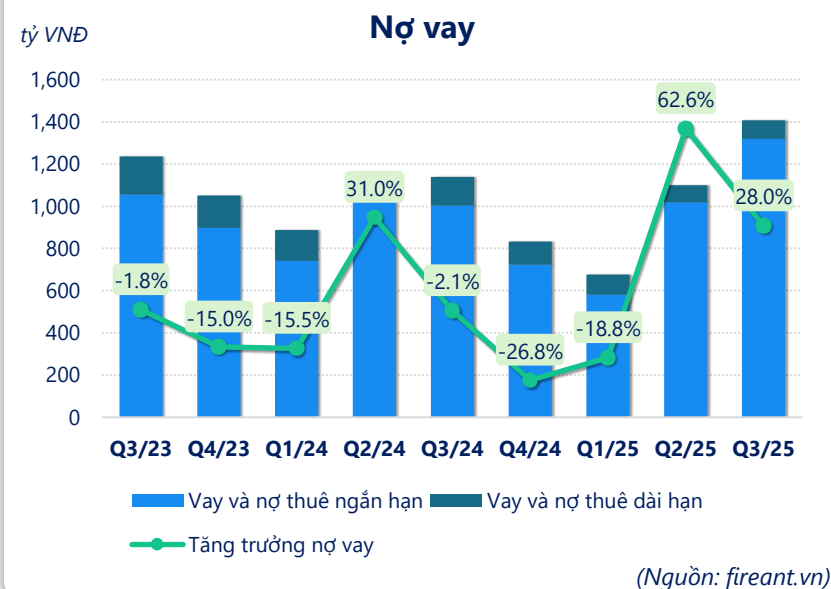
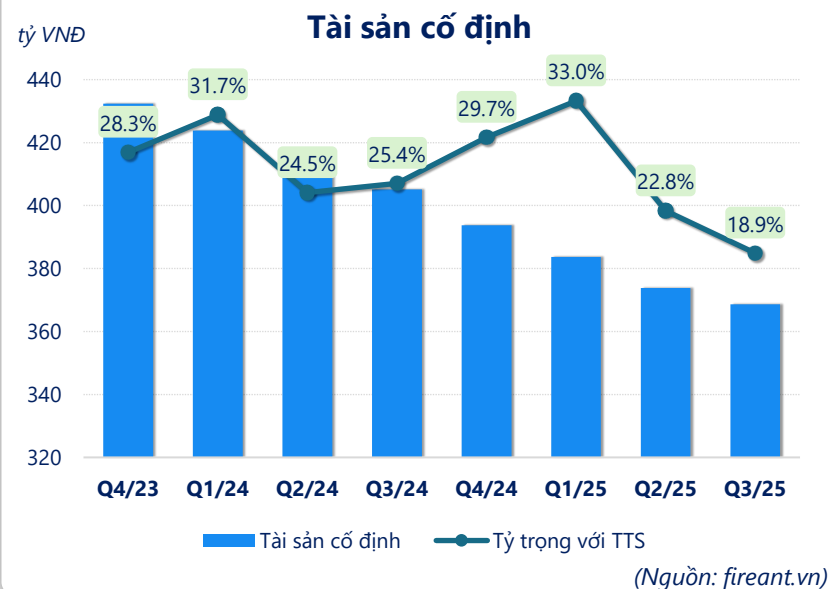
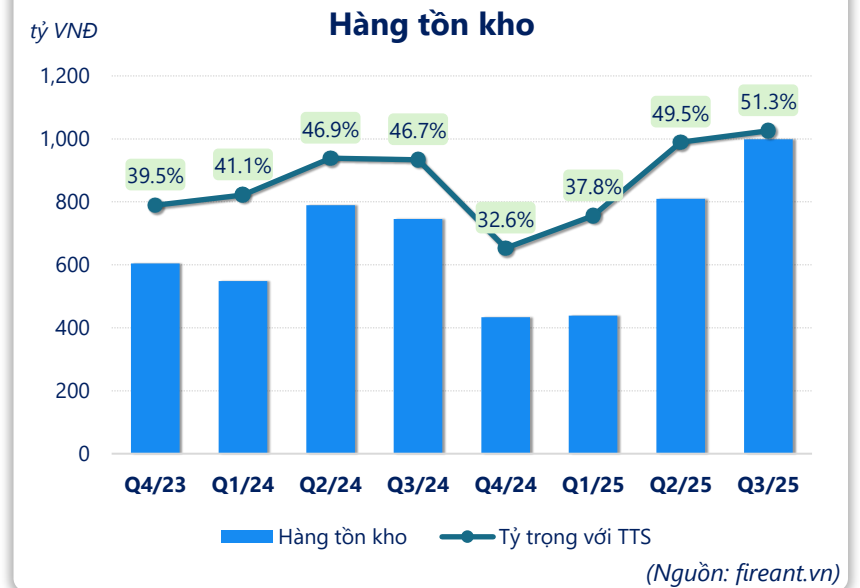
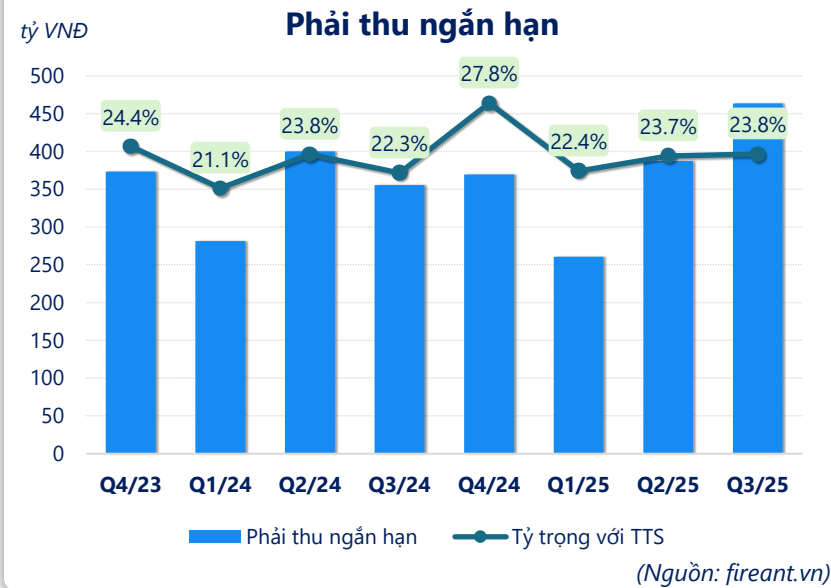
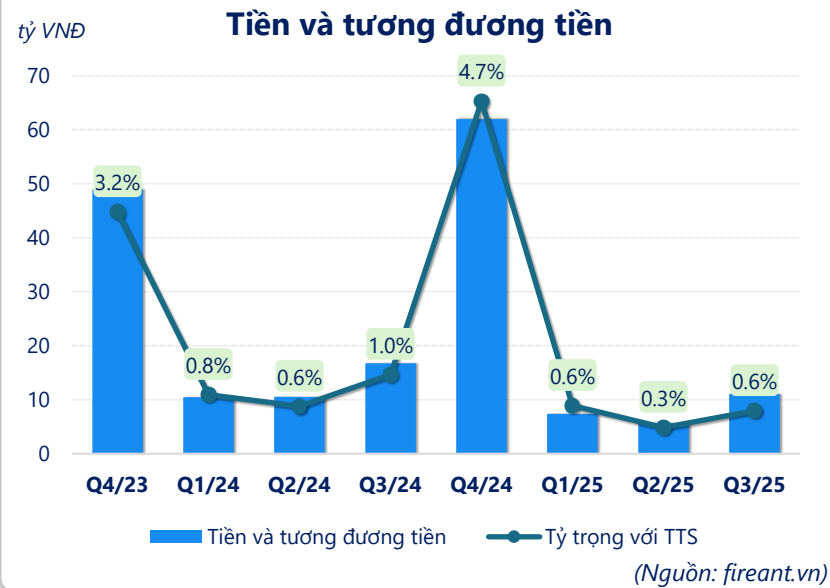
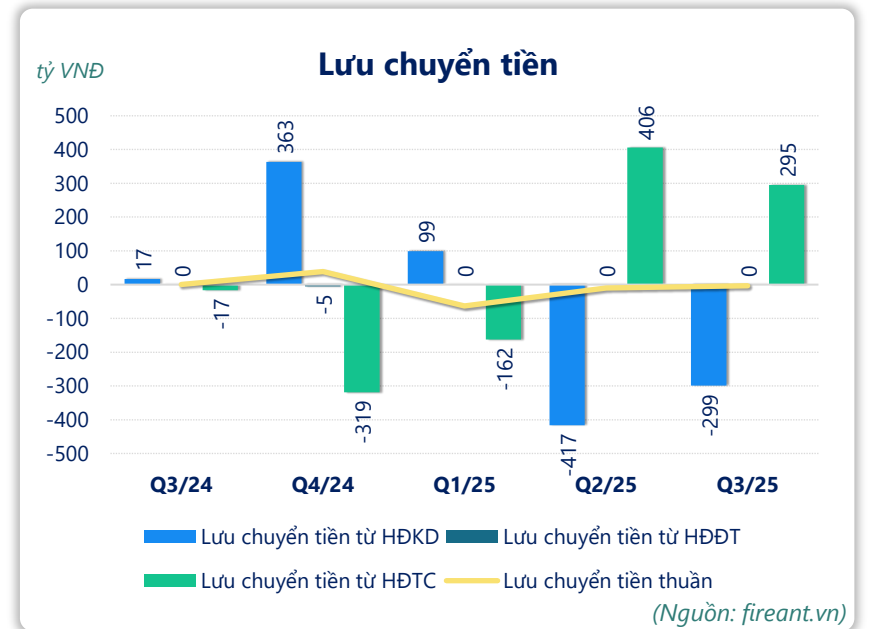
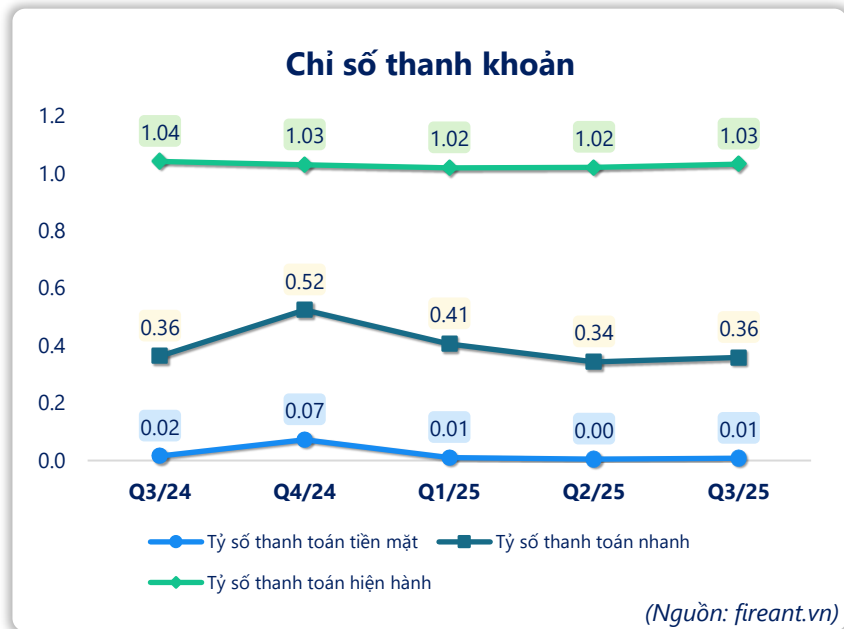
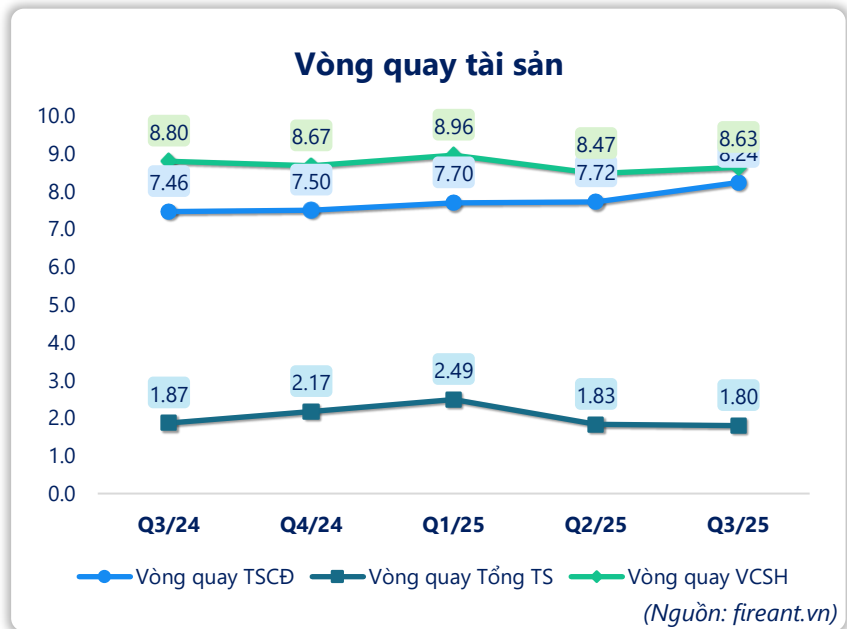
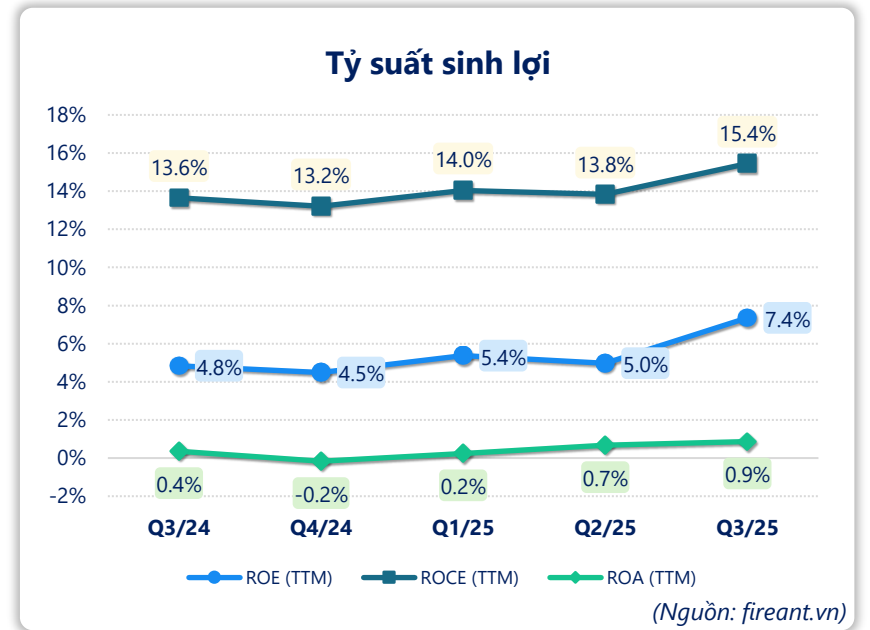
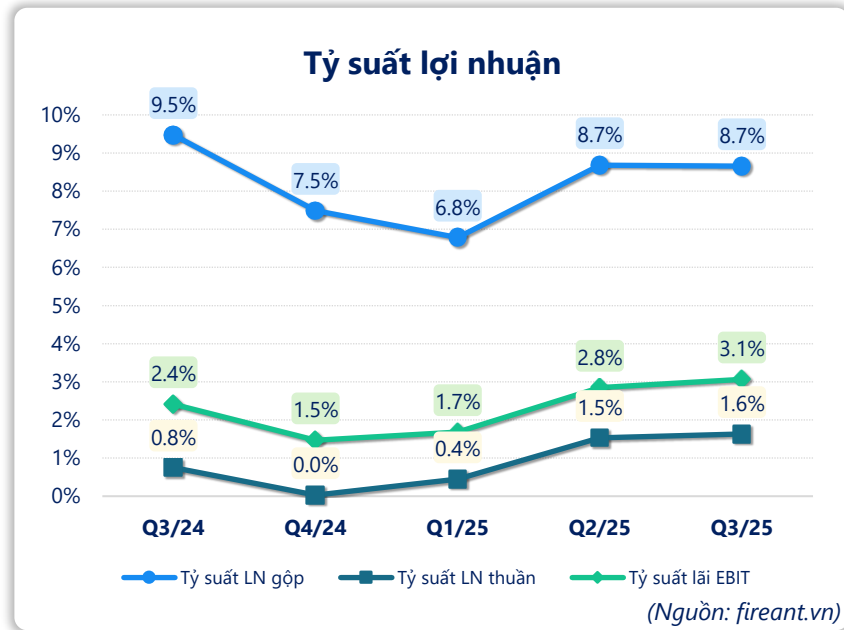
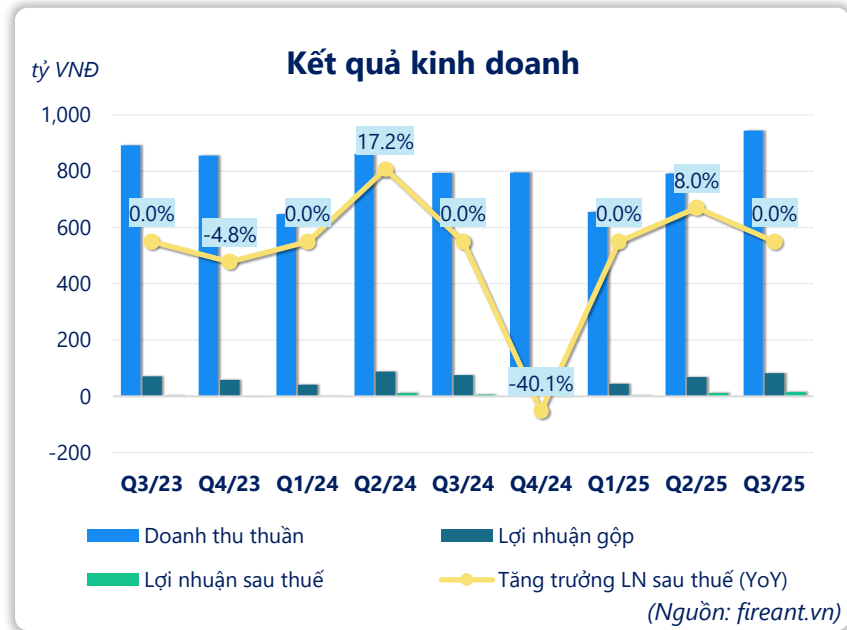


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		21,610,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		525
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		179
P/E		6.6
EPS		1,256

	YTD	1T	3T	6T
THP	0.4%	3.8%	-16.2%	1.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,948	1,325	47.0%
Tài sản ngắn hạn	1,531	881	73.8%
Tiền và tương đương tiền	11.1	62.0	-82.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.04	7.36	-31.6%
Phải thu ngắn hạn	464	354	30.8%
Hàng tồn kho	999	446	124%
Tài sản ngắn hạn khác	52.3	11.0	374%
Tài sản dài hạn	417	444	-6.2%
Phải thu dài hạn	0	6.41	-100%
Tài sản cố định	369	394	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.83	7.06	25.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	39.4	37.0	6.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,572	969	62.2%
Nợ ngắn hạn	1,484	860	72.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,319	723	82.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.1	51.9	27.4%
Nợ dài hạn	87.4	110	-20.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	87.4	110	-20.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	376	356	5.8%
Vốn chủ sở hữu	376	356	5.8%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	794	795	655	792	944
Giá vốn hàng bán	718	736	611	723	862
Lợi nhuận gộp	75.2	59.5	44.5	68.8	81.7
Doanh thu HĐTC	14.1	17.0	11.2	14.1	11.6
Chi phí TC	24.6	26.3	13.4	25.3	23.1
Chi phí lãi vay	13.1	11.8	8.00	9.01	13.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	47.6	39.4	28.2	34.0	44.3
Chi phí QLDN	11.1	10.6	11.2	11.4	10.6
LN thuần từ HĐKD	5.98	0.24	2.93	12.1	15.4
Lợi nhuận khác	0.06	-0.33	0.10	1.41	-0.05
LN trước thuế	6.04	-0.09	3.03	13.5	15.3
Lợi nhuận sau thuế	6.04	-2.36	3.03	11.1	15.3
LNST của CĐ cty mẹ	6.04	-2.36	3.03	11.1	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.9	363	99.0	-417	-299
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-5.49	0.20	0.11	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.9	-319	-162	406	295
Tiền đầu kỳ	10.5	16.8	62.0	7.40	5.68
Lưu chuyển tiền thuần	-0.01	38.7	-63.2	-10.3	-3.54
Ảnh hưởng tỷ giá	6.21	6.54	8.62	8.54	8.94
Tiền cuối kỳ	16.8	62.0	7.40	5.68	11.1

(Nguồn: fireant.vn)